TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23- 4- 2019
V/v "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lý và ông Đinh Văn Công.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Phú – Thư ký Tòa án tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Phương Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2018/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 về "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình",

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2018/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị S, sinh năm 1972.

Nơi đăng ký HKTT: Khối T2, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh C (tên Việt Nam là Trương Chính N)

Sinh năm 1971.

Địa chỉ: số 08, Ngõ 172, phố Quang Hoa Nhị, cụm 17, phường Cựu Xã, Khu Bắc, thành phố Tân Trúc, Đài Loan (Trung Quốc). Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2018, Bản tự khai chị Võ Thị S trình bày:

Qua quen biết chị và anh C (Trương Chính N) có tình cảm với nhau nên quyết định đi đến hôn nhân. Hai người làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND tỉnh Nghệ An ngày 07/01/203 và ghi vào sổ đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An ngày 09/01/2013. Sau khi kết hôn, anh N trở về Đài Loan để làm thủ tục cho chị sang Đài Loan đoàn tụ nhưng không được nên anh tiếp tục ở lại Đài Loan cho đến

nay. Cũng từ đó đến nay, anh N và chị không còn liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng cũng từ đó mà phai nhạt dần. Đến nay thì không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện yêu cầu ly hôn, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Chính N.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp theo đúng quy định. Theo tài liệu có tại hồ sơ thì Tòa án địa phương Tân Trúc, Đài Loan đã trực tiếp làm việc và tống đạt các văn bản tố tụng của TAND tỉnh Nghệ An cho anh Trương Chính N. Anh N đã nhận các văn bản, Tòa án đã ghi chép, thẩm vấn thì anh N trả lời: "Tôi đi tìm người giúp đỡ" nhưng anh N vẫn vắng mặt tại Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo các thời gian mà Tòa án đã ấn định cũng như không có ý kiến gì hoặc nhờ người giúp đỡ như anh đã khai tại Tòa gia đình- Tòa án địa phương Tân Trúc, Đài Loan.

Tại phiên tòa đại diện VKSND tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện công việc ủy thác theo đúng quy định, đã có kết quả, đã quá thời hạn theo quy định nên có cơ sở xét xử vắng mặt bị đơn. Tuy nhiên phiên tòa vắng mặt lần 1 nên đề nghị hoãn phiên tòa. Về nội dung: Hai bên đã chấm dứt quan hệ từ năm 2013 đến nay thể hiện tình cảm không còn nên đề nghị cho họ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã thực hiện các quy định của pháp luật dân sự, thực hiện việc ủy thác tư pháp, giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh C (Trương Chính N). Anh N đã nhận các văn bản tố tụng nhưng không có mặt tại TAND tỉnh Nghệ an để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Vụ án thuộc trường hợp không thể hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh N theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh N và chị S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An vào ngày 07/01/2013 vào Sổ đăng ký kết hôn số 02, Quyển số 01/2013 ngày 09/01/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau một thời gian ngắn sau đó anh N về nước và làm thủ tục để chị S sang cùng. Tuy nhiên khi không làm được thủ tục để đoàn tụ vợ chồng, thì anh N đã không liên lạc với chị S. Tình cảm vợ chồng đã dần phai nhạt và đến nay thì không còn tình cảm. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên chị S khởi kiện xin ly hôn và đề nghị Tòa án Nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết. Xét thấy, anh N và chị S đã không còn liên lạc với nhau, không quan tâm nhau về vật chất lẫn tình cảm. Hai người nay ở hai đất nước xa xôi, cách trở về địa lý, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị S. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho họ được ly hôn.

[3]. Về nuôi con chung: không có con chung nên không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí, lệ phí ủy thác: Chị S phải chịu 200.000đ lệ phí ủy thác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 207; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5, điểm b khoản 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Võ Thị S.

1. Về hôn nhân: Cho chị Võ Thị S được ly hôn anh C (Trương Chính N)

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Võ Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nạp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000850 ngày 22/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

3. Về lệ phí ủy thác: Chị Võ Thị S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí đã nạp là 200.000đ (Hai trăm nghìn

đồng) theo biên lai thu số 0000861 ngày 30/8/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Võ Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, anh C (Trương Chính N) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- UBND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh nghệ An;
- Các đương sự;
.- Lưu Hồ sơ vụ án

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Hà